

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/DS-ST

Ngày 25/01/2018

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh

Ông Huỳnh Khắc Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 287/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 209/2017/QĐXXST-DS ngày 25/12/2017, Quyết Đ hoãn phiên tòa số 02A/2018/QĐST-DS, ngày 04/01/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 7, xã M, huyện C, tỉnh T.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 9A, xã M, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Do chỗ quen biết nên năm 2014 bà Đ có cho bà X vay số tiền 100.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời gian sau bà X có trả cho bà 44.551.000 đồng, còn nợ lại 55.449.000 đồng đến nay chưa trả.

Đến ngày 18/5/2014, bà X tiếp tục vay 50.000.000 đồng, khi vay tiền bà X hẹn trong thời gian ngắn trả nên bà Đ không yêu cầu bà X viết biên nhận nợ nhưng đến nay bà X vẫn không trả tiền. Đến ngày 23/6/2017, bà Đ có yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, tại buổi hòa giải bà X thừa nhận có nợ bà Đ số tiền 123.854.000 đồng và xin trả dần nhưng bà Đ không đồng ý. Nay bà Đ yêu cầu bà Nguyễn Thị X trả số tiền 105.449.000 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết Đ đưa vụ án ra xét xử và quyết Đ hoãn phiên tòa nhưng bà X vắng mặt

không có lý do cũng không có văn bản ý kiến về việc bà Đ khởi kiện bà.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị X đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết Đ đưa vụ án ra xét xử và quyết Đ hoãn phiên tòa nhưng bà X vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà Đ và bà X.

[2] Về nội dung vụ án: Do chỗ quen biết nên năm 2014 bà Đ có cho bà X vay số tiền 100.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời gian sau bà X có trả cho bà Đ 44.551.000 đồng, còn nợ lại 55.449.000 đồng. Đến ngày 18/5/2014, bà Đ tiếp tục cho bà X vay 50.000.000 đồng, tổng cộng bà X nợ bà Đ số tiền 105.449.000 đồng, đến nay vẫn chưa trả nên bà Đ yêu cầu bà X trả số tiền trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, trong các lần vay tiền bà X đều không viết biên nhận nợ. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ở xã ngày 23/6/2017, bà X thừa nhận có nợ bà Đ 03 khoảng tiền tổng cộng là 123.854.000 đồng và xin trả dần nhưng không được bà Đ đồng ý, nay bà Đ yêu cầu bà X trả số tiền 105.449.000 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ. Bởi lẽ, số tiền này bà X nợ đã lâu không trả, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với bên cho vay, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà Đ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy Đ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo bà Đ và bà X được quyền kháng cáo theo qui Đ pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT Đ:

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 105.449.000 (Một trăm lẻ năm triệu, bốn trăm bốn mươi chín ngàn) đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị X chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy Đ tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 5.272.450 (Năm triệu, hai trăm bảy mươi hai ngàn) đồng án phí sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 2.636.000 (Hai triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 14790 ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân huyện tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cai Lậy;
- CCTHADS Cai lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng Phụng